TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 35

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 291, 219, 191, 292 là:

A. 219 **B.** 291 **C.** 191 **D.** 292

Câu 2. Kết quả của phép chia 16 : 4 là:

A. 4 **B.** 3 **C.** 5 **D.** 12

Câu 3. Giảm 49 đi 7 lần được:

A. 42 **B.** 343 **C.** 8 **D.** 7

Câu 4. Một phần bảy (1/7) của 28 quả cam là:

A. 196 quả cam **B.** 4 quả cam **C.** 21 quả cam **D.** 6 quả cam

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 8 kg = …… g

A. 80 **B.** 8000 **C.** 80000 **D.** 800

Câu 6. I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 22 cm, độ dài đoạn CI là:

A. 22 cm **B.** 20 cm **C.** 11 cm **D.** 44 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 317 + 358 = ……

b) 585 − 359 = ……

c) 163 × 2 = ……

d) 324 : 4 = ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 6 trăm, 2 chục, 1 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 671, 462, 562, 157, 567 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 cm = …… mm

b) 3 kg = …… g

c) 2 m 4 dm = …… dm

d) 3 m = …… cm

Bài 4. Tính:

a) 520 g + 183 g = ……. g

b) 625 ml − 222 ml = ……. ml

c) 155 mm × 3 = ……. mm

d) 70 kg : 5 = ……. kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 9 cm thì đường kính là ……. cm.

b) Hình tròn có đường kính 22 dm thì bán kính là ……. dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 32 mm. Đoạn MB dài ……. mm.

Bài 6. Một thùng có 42 l dầu. Người ta đã dùng 1/3 số dầu đó. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

a) Số dầu đã dùng: ……. l

b) Số dầu còn lại: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 35

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	D	B	B	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 317 + 358 = 675

b) 585 − 359 = 226

c) 163 × 2 = 326

d) 324 : 4 = 81

Bài 2.

a) 621

b) Số lớn nhất là 671

c) Số bé nhất là 157

d) 671 + 1 = 672

Bài 3.

a) 9 cm = 90 mm (vì 1 cm = 10 mm)

b) 3 kg = 3000 g (vì 1 kg = 1000 g)

c) 2 m 4 dm = 24 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 3 m = 300 cm (vì 1 m = 100 cm)

Bài 4.

a) 703 g

b) 403 ml

c) 465 mm

d) 14 kg

Bài 5.

a) 9 × 2 = 18 (cm)

b) 22 : 2 = 11 (dm)

c) 32 : 2 = 16 (mm)

Bài 6.

Đã dùng: 42 : 3 = 14 (l)

Còn lại: 42 − 14 = 28 (l)